TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-3-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Vinh

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Tiến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn theo Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 552/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 553/TB-TA ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Phạm Văn Tr, nơi cư trú: Thôn Đ, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị Thu Ng, hiện cư trú tại: Tầng 5, số 5 ngõ 116, đường Ái Quốc Đồng, khu Trung Chính, thành phố Đài Bắc, Đài Loan; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phạm Văn Tr trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị Thu Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 15 tháng 8 năm 2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xuyên cãi vã, xung đột. Mâu thuẫn kéo dài căng thẳng, đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Anh xác định không còn tình cảm với chị Ngnên yêu cầu ly hôn.

Về con: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Diễm Q, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2001 và cháu Phạm Xuân H, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2007. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị Ng nuôi và có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con Phạm Xuân H trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà cấp 4 trên diện tích đất 92,6m^2 tại thửa 157 tờ bản đồ 09 tại thôn 1 (nay là tổ dân phố số 6) thị trấn An Dương, thành phố Hải Phòng. Tại phiên tòa, anh Tr trình bày anh không nhận nhà và đồng ý nhận tiền chênh lệch tài sản từ chị Ngnhưng phần tài sản của anh sẽ dành cho hai con Phạm Diễm Q và Phạm Xuân H, tuy nhiên do các cháu chưa thành niên nên sẽ giao cho chị Ng quản lý đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi thì chị Ngcó trách nhiệm trả lại cho hai con chung.

Đối với khoản nợ 197.385.680 đồng, trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng và nợ lãi là 47.385.680 đồng, anh Tr xác nhận có ký hợp đồng tín dụng để vay. Anh Tr được sử dụng 20 triệu, số tiền còn lại do chị Ng sử dụng. Anh không đồng ý chia khoản nợ này vì lý do vay để chị Ng chi phí đi lao động Đài Loan nên chị Ng phải có trách nhiệm trả.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Hoàng Thị Thu Ng trình bày:

Chị và anh Phạm Văn Tr kết hôn trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2001 tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng về nhà anh Tr tại Thôn Đông, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng sống khoảng một tháng, sau đó được nhà ngoại tạo điều kiện giúp đỡ để vợ chồng thuận tiện việc đi lại và đi làm nên vợ chồng chuyển về nhà mẹ đẻ của chị là bà Bùi Thị L tại Số nhà 97, tổ dân phố số 4, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống vợ chồng không dư giả nhưng hạnh phúc cho đến khi anh chị sinh thêm cháu thứ 2 và cháu lớn bắt đầu vào học lớp 1 thì kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn dẫn tới việc phải vay mượn tiền của anh chị em, bạn bè để lo cho cuộc sống, rồi sau đó là mua đất tại tổ dân phố số 6, thị trấn An Dương do mẹ chị giúp đỡ với số tiền 160.000.000 đồng. Hai vợ chồng dự tính để anh Phạm Văn Tr đi lao động nước ngoài nhưng không thành mà các khoản nợ cứ thêm chồng chất. Năm 2013, chị sang Đài Loan để lao động thì được biết ở nhà anh Tr có những mối quan hệ phức tạp ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình nên vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn từ đây. Mâu thuẫn lên tới đỉnh điểm khi có lần anh Tr cáu gắt, đập phá tài sản trong nhà và đánh chị thâm tím người trước sự chứng kiến của mẹ chồng chị. Thời gian đầu anh Tr còn chăm lo cho các con sau đó một thời gian thì không quan tâm chăm sóc mà để hai cháu cho mẹ đẻ chị chăm sóc nuôi dưỡng để đến sống với một người phụ nữ khác và hiện đã có con chung với chị này, vợ chồng chị đã ly thân từ lâu không ai quan tâm đến ai. Chị đồng ý ly hôn với anh Tr.

Về con: Chị thống nhất với lời trình bày của anh Tr về con chung, việc nuôi con chung và trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có căn nhà cấp 4 trên diện tích 92,6m² đất tại thửa số 157 tờ bản đồ số 09 tại Tổ dân phố số 6, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng có giá trị khoảng 400.000.000 đồng và khoản nợ chung của hai vợ chồng là 197.385.680 đồng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển V nhưng chị đã trả hết cả tiền gốc và tiền lãi nên chị yêu cầu anh Tr thanh toán trả lại chị ½ số nợ chung trên. Về tài sản chung, nếu anh Tr không đồng ý sang tên cho chị thì chia đôi, ai lấy nhà sẽ trả tiền, hoặc nếu anh Tr đồng ý để lại phần tài sản cho hai con thì chị không yêu cầu giải quyết số nợ trên.

Ngoài ra, tại Biên bản hòa giải ngày 23 tháng 10 năm 2017, chị Ng trình bày vợ chồng còn nợ bà Bùi Thị L ở thị trấn An Dương 21 triệu đồng, chị Hoàng Thị Ng ở An Dương 145 triệu đồng, anh Hoàng Văn T ở thị trấn An Dương 30 triệu đồng, chị Hoàng Thị D ở An Dương 20 triệu đồng, chị Bùi Thị Nh 15 triệu đồng, chị Phạm Thị H ở Đồng Quốc Bình 30 triệu đồng, Ngân hàng Bến Bính 100 triệu đồng, Ngân hàng BIDV 185 triệu đồng. Tất cả số nợ này chị Ng trình bày không có tài liệu chứng minh và không có yêu cầu giải quyết.

Chị đi xuất khẩu lao động sang Đài Loan vì lý do kinh tế từ tháng 4 năm 2013 đến nay, chị chỉ về Việt Nam trong thời gian ngắn rồi lại phải sang đó làm việc; chị đã ủy quyền cho em gái chị được toàn quyền trong việc tiếp cận, quản lý, sử dụng và định đoạt phần tài sản là ngôi nhà cấp 4 và diện tích 92,6m² đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL327970 có số thửa 157, tờ bản đồ số 09 tại Tổ dân phố số 6, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng và chị cũng đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt chị.

Theo đơn trình bày và ý kiến của cháu Phạm Diễm Q và cháu Phạm Xuân H tại phiên tòa có nguyện vọng ở với mẹ là chị Hoàng Thị Thu Ng khi anh Tr và chị Ng ly hôn.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện A: Giá đất theo thị trường là 7.000.000 đồng/m^2. Tổng công trình xây dựng và cây cây cối khác có giá trị là 231.395.459 đồng.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải phòng về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai nguyên đơn, bị đơn và tài liệu do Tòa án xác minh thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tr và chị Ngđã trầm trọng kéo dài, thực tế anh chị đã sống ly thân nhiều năm và không ai quan tâm đến ai. Nay anh chị cùng nhất trí việc ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung chưa thành niên là Phạm Diễm Q, sinh 24/11/2001, Phạm Xuân H sinh năm 09/12/2007, các cháu có nguyện vọng ở với mẹ và anh chị đều thống nhất và anh có trách nhiệm đóng góp mỗi cháu 01 triệu đồng/tháng đến khi con thành niên. Thực tế, từ năm 2014 anh Tr bỏ đi, các cháu đều do ông bà ngoại chăm sóc, nuôi dưỡng nên sự tự nguyên của các đương sự là phù hợp, cần được chấp nhận. Tại phiên tòa, anh Tr trình bày anh tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 02 triệu đồng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, nên cần phải ghi nhận rõ để đảm bảo thi hành án.

- Về tài sản chung: Tại đơn yêu cầu chia tài sản chung ghi ngày 30/10/2017, chị Ngyêu cầu chia tài sản chung và khoản nợ gồm: Nhà cấp 4 trên diện tích đất 92,6m^2 tại thôn 1 thị trấn An Dương, huyện An Dương và khoản nợ 197.385.680 đồng (gồm 150 triệu tiền vay gốc và 47.385.680 đồng tiền lãi). Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 23/10/2017 chị Ngcó quan điểm nếu anh Tr nhận nhà đất thì thanh toán toàn bộ các khoản nợ, ngược lại nếu chị Ngtrả nợ thì chị sẽ nhận toàn bộ nhà đất.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Tr đồng ý với ý kiến chị Ngtại biên bản hòa giải ngày 23/10/2017, anh sẽ nhường lại toàn bộ phần tài sản trong khối tài sản chung cho 02 con là cháu Q và cháu H, mỗi cháu được kỷ phần bằng nhau, trong thời gian các cháu chưa thành niên thì tạm thời giao cho mẹ cháu quản lý và anh không đồng ý trả khoản nợ Ngân hàng BIDV và các khoản nợ chị Ng đã nêu tại biên bản hòa giải trên. Chị Hoàng Thị Ng là đại diện về tài sản của chị Ng và hai cháu Q, H có mặt tại phiên tòa đều nhất trí với quan điểm của anh Tr và đề nghị tôn trọng ý kiến chị Ng, không buộc anh Tr phải chịu trách nhiệm chung đối với các khoản nợ đã vay khi anh Tr nhường lại phần tài sản chung. Xét thấy, việc thống nhất sự thỏa thuận theo ý kiến chị Ng tại biên bản hòa giải ngày 23/10/2017 là hoàn toàn tự nguyên và phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi giữa các bên nên cần ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

Về án phí: Anh Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm theo giá trị phần tài sản được nhận; chị Ng phải chịu án phí đối với giá trị phần tài sản được chia; anh Tr phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bị đơn; bị đơn đã có yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Phạm Văn Tr có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn với chị Hoàng Thị Thu Ng hiện cư trú tại: Tầng 5, số 5 ngõ 116, đường Ái Quốc Đồng, khu Trung Chính, thành phố Đài Bắc, Đài Loan, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Chị Hoàng Thị Thu Ng là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Tr và chị Hoàng Thị Thu Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 15 tháng 8 năm 2001. Theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình là hôn nhân hợp pháp.

[4] Anh Phạm Văn Tr và chị Hoàng Thị Thu Ng đều xác định vợ chồng sống ly thân từ năm 2013, không quan tâm đến nhau cả về vật chất, tinh thần và cùng thuận tình ly hôn. Xét việc anh Phạm Văn Tr và chị Hoàng Thị Thu Ng thuận tình ly hôn là tự nguyện do tình trạng hôn nhân trầm trọng, không thể kéo dài cuộc sống vợ chồng, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn Tr và chị Hoàng Thị Thu Ng theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con: Anh Tr và chị Ngthỏa thuận về việc giao hai con Phạm Diễm Q, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2001 và Phạm Xuân H, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2007 cho chị Ng trực tiếp nuôi, phù hợp với nguyện vọng của hai con. Anh chị thống nhất anh Tr cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thỏa thuận của anh chị là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng thống nhất có tài sản chung là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên diện tích 92,6m² đất tại thửa số 157 tờ bản đồ số 09 tại Tổ dân phố số 6, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng theo kết quả định giá tài sản là 648.200.000 đồng và giá trị công trình xây dựng và cây cối 231.395.459 đồng. Tổng giá trị tài sản 879.595.459 đồng. Chị Ng và anh Tr đều yêu cầu chia đôi tài sản; xét công sức của hai bên là ngang nhau trong việc tạo lập khối tài sản chung nên chấp nhận yêu cầu của anh chị. Hiện nay, anh Tr đã sinh sống ở nơi khác, từ khi vợ chồng ly thân, hai con chung của anh chị vẫn sinh sống tại ngôi nhà này. Căn cứ vào nguyện vọng của hai con chung được chung sống cùng chị Ng và xét thấy phải đảm bảo điều kiện sinh hoạt và học tập của các con nên cần giao toàn bộ tài sản chung của chị Ngvà anh Tr cho chị Ng quản lý, sử dụng, định đoạt để thuận lợi cho việc chăm sóc nuôi dưỡng các con. Chị Ng có trách nhiệm thanh toán cho anh Tr ½ giá trị của tài sản chung là 439.797.729 đồng. Xét sự tự nguyện của anh Tr tại phiên tòa đồng ý dành phần tài sản chung của anh cho hai con chung Phạm Diễm Q và Phạm Xuân H nhưng do hai con chưa thành niên nên anh Tr đồng ý giao cho chị Ng quản lý đến khi con chung Phạm Xuân H trưởng thành đủ 18 tuổi thì chị Ng có trách nhiệm trả lại cho hai cháu là phù hợp quy định của pháp luật phù hợp ý kiến của chị Ng tại Biên bản hòa giải ngày ngày 23 tháng 10 năm 2017 nên được chấp nhận. Tại Biên bản hòa giải ngày ngày 23 tháng 10 năm 2017, chị Ng có ý kiến nếu anh Tr để lại tài sản cho hai con thì chị không yêu cầu giải quyết về số nợ. Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị Nguyệt là người được chị Ng ủy quyền định đoạt về tài sản đồng ý với ý kiến của chị Ng, không yêu cầu giải quyết số nợ 197.385.680 đồng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đã được chị Ng trả toàn bộ tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[7] Đối với các khoản nợ khác theo lời trình bày của chị Ng không có tài liệu chứng minh và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[9] Về án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn Tr phải chịu án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn Tr và chị Hoàng Thị Thu Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm liên quan đến phần tài sản được chia.

[11] Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Anh Phạm Văn Tr phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 151, Điều 152, Điều 153, Điều 154, khoản 1 Điều 228, Điều 273, Điều 469, Điều 470, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào các Điều 207, Điều 208, Điều 213, Điều 218 và Điều 219 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Tr và chị Hoàng Thị Thu Ng được ly hôn.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

2.1. Về con: Giao hai con Phạm Diễm Q, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2001 và Phạm Xuân H, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2007 cho chị Hoàng Thị Thu Ng trực tiếp nuôi chăm sóc cho đến khi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn Tr có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng) cho đến khi con Phạm Xuân Hiếu, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2007 trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên diện tích 92,6m² đất tại thửa số 157 tờ bản đồ số 09 tại Tổ dân phố số 6, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng cho chị Hoàng Thị Thu Ng quản lý, sử dụng và định đoạt.

Chị Hoàng Thị Thu Ng có nghĩa vụ thanh toán ½ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên diện tích 92,6m² đất cho hai con chung là Phạm Diễm Q, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2001 và Phạm Xuân H, sinh ngày 09 tháng 12 năm 2007 số tiền 439.797.729 đồng khi con Phạm Xuân H trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Anh Phạm Văn Tr phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh Tr được trừ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2012/0008307 ngày 28 tháng 4 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn Tr đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Anh Phạm Văn Tr phải chịu 200.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, anh Tr được trừ 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0003844 ngày 08 tháng 8 năm 2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn Tr đã nộp đủ tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

6. Về án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Phạm Văn Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung:

Anh Phạm Văn Tr phải chịu 21.592.000 đồng (hai mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Hoàng Thị Thu Ng phải chịu 21.592.000 đồng (hai mươi mốt triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chị Ngđã nộp 17.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số AA/2014/0003981 ngày 31/10/2017 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Ng còn phải nộp tiếp 4.592.000 đồng (bốn triệu, năm trăm chín mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo:

Anh Phạm Văn Tr được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Hoàng Thị Thu Ng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

9. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thị trấn An Dương;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp